

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) như sau:

Chương I BAN DÂN TỘC

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;

b) Dự thảo kế hoạch 5 năm và hàng năm, chính sách, chương trình, đề án, dự án quan trọng về công tác dân tộc; biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc;

c) Dự thảo văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;

b) Dự thảo quy định mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Ban theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số; vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Thường trực giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xoá đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn tỉnh.

6. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và cán bộ, công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tham gia thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức là người dân tộc làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm công chức tại cơ quan nhà nước ở địa phương. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh và nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Dân tộc; quản lý tổ chức, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách và chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

14. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Ban:

a) Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

b) Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc;

c) Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban Dân tộc;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các tổ chức được thành lập thống nhất ở các Ban, gồm:

- Văn phòng;
- Thanh tra.

b) Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm và yêu cầu quản lý nhà nước về công tác dân tộc của từng địa phương. Ngoài Văn phòng và Thanh tra nêu trên, Trưởng ban Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng, tên gọi các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc, nhưng số lượng không quá 03 (ba) phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Các đơn vị sự nghiệp:

Căn cứ tính chất, đặc điểm cụ thể của từng địa phương, Trưởng ban Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Dân tộc.

3. Biên chế:

a) Biên chế công chức của Ban Dân tộc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong tổng biên chế công chức của tỉnh được Trung ương giao, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Biên chế sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Dân tộc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo định mức biên chế và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những tỉnh chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc

1. Những tỉnh không đủ 2 trong 3 tiêu chí thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2, Điều 9 Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04

tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí cán bộ, công chức làm công tác dân tộc) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc (hoặc cán bộ, công chức làm công tác dân tộc) chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo sự uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cán bộ, công chức làm công tác dân tộc) có chức năng tham mưu, giúp Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương. Căn cứ những nhiệm vụ quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Phòng Dân tộc.

Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.

Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng Phòng và Phó Trưởng Phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong tổng biên chế công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm đủ biên chế để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chương II **PHÒNG DÂN TỘC CẤP HUYỆN**

Điều 5. Vị trí và chức năng

1. Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm, chính sách, chương trình, dự án, đề án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; nội dung, biện pháp tổ

chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

b) Dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc trên địa bàn.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc; vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Thường trực giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề xoá đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn huyện.

4. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu người dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Thực hiện công tác thông tin, lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

6. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án và các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc trên địa bàn huyện và nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).

8. Quản lý tổ chức, biên chế; thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức và biên chế

1. Phòng Dân tộc cấp huyện có Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng Phòng là người giúp Trưởng Phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng Phòng vắng mặt, một Phó Trưởng Phòng được Trưởng Phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Phòng và Phó trưởng Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng Phòng và Phó Trưởng Phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trong tổng biên chế công chức của huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những huyện chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc

1. Đối với những huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng dân tộc, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư liên tịch số 246/2004/TTLT-UBDT-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể, chia tách, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Dân tộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.



Trần Văn Tuấn



Giàng Seo Phử

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao;
- UBTV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ, Ban Dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Ủy ban Dân tộc; Website Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (Ủy ban Dân tộc); VT, TCBC (Bộ Nội vụ).